

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 30-7-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Minh;

Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Châu M, sinh năm 1987; Có mặt.

Địa chỉ: Ấp T A, xã Tr A, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1986; Xin vắng mặt.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã M T T, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Ấp A B, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Châu M trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã M T T, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình bên chị tại ấp T A, xã Tr A, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó vợ chồng chuyển

đến sống tại ấp A B, xã A T cho anh T tiện việc buôn bán khoảng 02 năm nay. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt khoảng 02 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường gây gổ, cãi vã nhau, anh T tính toán chi li, khó khăn với chị về chuyện tiền bạc, ngoài ra chị còn phát hiện anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị dẫn hai con về nhà cha chị sống và vợ chồng tự ly thân hơn 01 năm nay. Từ khi ly thân anh T có kêu chị về chung sống lại hai lần nhưng chị không đồng ý. Đến đầu năm 2019, chị có đặt vấn đề đoàn tụ với anh T vì con nhưng anh T yêu cầu chị phải kêu bà ngoại và cha chị gặp nói chuyện với mẹ anh T thì anh T mới cho chị về chung sống lại, chị không đồng ý nên từ đó đến nay không ai đặt vấn đề đoàn tụ nữa.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên: Võ Thị Mỹ P1, sinh ngày 31-01-2009 và Võ Thị Mỹ P2, sinh ngày 23-11-2015, hiện hai con chung đang theo sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1 và cháu P2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn T trình bày:

Nhận thấy, lời trình bày của chị M và anh T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là thống nhất nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác như chị M trình bày. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị M nói với anh chị M đã có người khác nên yêu cầu ly hôn với anh.

Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh đồng ý giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Võ Thị Mỹ P1, sinh ngày 31-01-2009 và Võ Thị Mỹ P2, sinh ngày 23-11-2015. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Châu M yêu cầu được ly hôn anh Võ Văn T.

Về con chung: Giao chị M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thị Mỹ P1, sinh ngày 31-01-2009 và Võ Thị Mỹ P2, sinh ngày 23-11-2015. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã M T T, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt và tự sống ly thân hơn 01 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ngoài ra chị M và anh T đều mất lòng tin với nhau về chuyện tình cảm. Nay chị M yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị M và anh T thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Võ Thị Mỹ P1, sinh ngày 31-01-2009 và Võ Thị Mỹ P2, sinh ngày 23-11-2015; anh T cũng đồng ý giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1 và cháu P2; mặt khác, cháu P1 cũng có nguyện vọng theo sống với chị M. Vì vậy, có cơ sở giao chị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1 và cháu P2 là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Châu M được ly hôn anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Võ Châu M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Võ Thị Mỹ P1, sinh ngày 31-01-2009 và Võ Thị Mỹ P2, sinh ngày 23-11-2015.

Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Võ Châu M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017227 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị M đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị M biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã M T T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc